

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Đề án 06*). Tổ Giúp việc Đề án 06 tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2025, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Năm 2025, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các ngành, lĩnh vực với tinh thần “*Thần tốc, làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bíт phá*”, chuyển từ tư duy quản lý sang phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nâng cao tính chủ động, phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương*) trong chỉ đạo, điều hành xử lý công việc; kịp thời rà soát, tìm ra những “*điểm nghẽn*”, “*rào cản*” trong thực hiện nhiệm vụ ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó có giải pháp tháo gỡ kịp thời; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Qua 06 tháng đi vào vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, kinh tế - xã hội (KT – XH) trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; nhiều sự kiện, hoạt động văn hóa - lễ hội được tổ chức thành công, góp phần thúc đẩy phát triển KT – XH. Đặc biệt, tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Riêng trong tháng 11/2025, cơn bão Kalmaegi (bão số 13) và đợt mưa lũ kéo dài sau đó đã gây thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chỉ tiêu KT – XH của tỉnh trong năm 2025.

Đến nay, tốc độ tăng GRDP của tỉnh ước đạt 7,20%; xếp vị trí thứ 28/34 địa phương trong cả nước và xếp vị trí thứ 3/6 tỉnh, thành phố vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Tỉnh đã thực hiện đạt 18/21 chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao, trong đó, có nhiều chỉ tiêu kinh tế tăng trưởng ấn tượng, tạo đà phát triển trong các năm tiếp theo. Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng tích cực; hoạt động du lịch phát triển sôi động; công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tiếp tục triển khai quyết liệt gắn với cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Các hoạt động văn hóa – xã hội (VH – XH) tiếp tục có chuyển biến tích

cực; an sinh xã hội (ASXH) được bảo đảm; đời sống của người dân cơ bản ổn định; quốc phòng – an ninh được giữ vững; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng Đề án 06, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, của các bộ, ngành trung ương trong việc triển khai phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 theo tình hình thực tế tại địa phương. Các nhóm tiện ích thuộc Đề án 06 tiếp tục được ứng dụng, triển khai ở nhiều lĩnh vực mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ người dân, doanh nghiệp, điển hình như: sử dụng thẻ Căn cước/Căn cước công dân (CC/CCCD), tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) trên ứng dụng VNeID thay thế thẻ BHYT trong khám, chữa bệnh; sử dụng thông tin giấy tờ tích hợp trên ứng dụng VNeID trong các giao dịch thay thế xuất trình giấy tờ vật lý; thực hiện các dịch vụ công (DVC) trên ứng dụng VNeID (*thông báo lưu trú, cấp Phiếu lý lịch tư pháp (LLTP), đăng ký thường trú,...*); triển khai số hóa tạo lập dữ liệu (*Tư pháp – Hộ tịch, người lao động, Thuế, các tổ chức, đoàn hội,...*) trên nền Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư;....

Triển khai Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2025¹, với quan điểm chỉ đạo ***“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển KT – XH, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”*** gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp và góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH trên địa bàn tỉnh.

(1) Nhiệm vụ tồn từ năm 2024 chuyển sang: Không có

(2) Nhiệm vụ mới được giao trong năm 2025: **95 nhiệm vụ** (48 nhiệm vụ trùng, 47 nhiệm vụ không trùng: Gia Lai (cũ) 33 nhiệm vụ, Bình Định (cũ) 14 nhiệm vụ).

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 64 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ đang thực hiện và duy trì thường xuyên: 30 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ dừng triển khai: 01 nhiệm vụ².

(3) Sau sáp nhập tỉnh, thực hiện chính quyền 02 cấp, hiện còn 30 nhiệm vụ phải thực hiện. Kết quả đến nay:

¹ Trong năm 2025, UBND tỉnh Gia Lai (cũ) ban hành Kế hoạch số 454/KH-UBND ngày 28/02/2025 với 57 nhiệm vụ; UBND tỉnh Bình Định (cũ) ban hành Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 với 38 nhiệm vụ.

² Xây dựng phần mềm thực hiện DVC trực tuyến trên điện thoại thông minh. **Lý do:** Theo ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kể từ ngày 01/7/2025 Công DVC của tỉnh không còn sử dụng.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 30 nhiệm vụ.

(Phụ lục 01 kèm theo)

3. Đề án 06 có vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng hết sức to lớn. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, tạo nền tảng cho công tác quản lý Nhà nước theo hướng hiện đại, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; việc triển khai Đề án 06 đã mang lại những kết quả cụ thể, thiết thực trong công tác quản lý, điều hành của các cấp, ngành, địa phương và phục vụ phát triển KT - XH, cung cấp tiện ích cho người dân, doanh nghiệp. Các tổ chức, cá nhân được hưởng những tiện ích tốt nhất thông qua các dịch vụ hành chính công, ASXH, tiếp cận các dịch vụ thương mại thông qua định danh điện tử (ĐDDT). Các TTHC, giao dịch tài chính được cải cách, đơn giản hóa, đẩy mạnh DVC trực tuyến, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Đánh giá các tiện ích, giá trị mang lại theo 05 nhóm tiện ích

Đề án 06 mang lại 5 nhóm tiện ích chính, bao gồm: Giải quyết TTHC và DVC trực tuyến; Phát triển KT - XH; Phục vụ công dân số; Hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu dân cư, và phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp. Trong năm 2025, các tiện ích nổi bật có thể kể đến như: Việc sử dụng tài khoản ĐDDT để thực hiện DVC, các giao dịch trực tuyến, thanh toán trực tuyến, tích hợp các giấy tờ cá nhân; Tích hợp Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT), tài khoản ASXH, triển khai các DVC trên ứng dụng VNeID... đã đem lại nhiều giá trị, tiện ích cho người dân và doanh nghiệp.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân, cán bộ, công chức để sử dụng các DVC trực tuyến, tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn góp phần thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu đề ra, nâng cao kết quả thực hiện các chỉ tiêu cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (*Chính phủ số, kinh tế số và công dân số*), đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của giai đoạn 2022 – 2025.

(Phụ lục 02 kèm theo)

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, triển khai, tuyên truyền

Năm 2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 196 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

Một số văn bản quan trọng như: Quyết định số 1841-QĐ/TU ngày 15/5/2025 và Quyết định số 342-QĐ/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy về phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai hóa đơn điện tử (HĐĐT) khởi tạo từ máy tính tiền, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh chuyển đổi thành doanh nghiệp; Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 05/6/2025 về Triển khai cao điểm cấp chữ ký số công cộng và tích hợp thẻ BHYT, Sổ SKĐT trên

ứng dụng VNeID cho người dân trên địa bàn tỉnh; Công văn số 5402/UBND-KGVX ngày 22/10/2025 về việc triển khai các khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 20/8/2025 về Triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh;....

- UBND tỉnh tham dự 08 Hội nghị trực tuyến với Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 của Chính phủ và Bộ Công an để triển khai, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06. Tổ Giúp việc Đề án 06 tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Văn Phòng Chính phủ, Bộ Công an, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ theo đúng quy định.

- Thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án 06³ và 03 Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, ban hành quy chế hoạt động. Đôn đốc UBND các xã, phường thành lập Ban Chỉ đạo⁴.

- Công an tỉnh tiếp tục làm tốt vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 tỉnh (*sau này là Tổ Giúp việc Đề án 06 tỉnh*), tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ Đề án 06; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 trong Công an tỉnh năm 2025 và 150 văn bản có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án 06 trong lực lượng Công an,... Định kỳ, thực hiện giao ban đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06; công tác thu thập, cập nhật, đảm bảo dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”; thu nhận, cấp tài khoản ĐDDT và triển khai Sổ SKĐT, cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ phát sinh mới trong năm 2025 như góp ý Hiến pháp và các văn kiện trình Đại hội XIV trên ứng dụng VNeID; Thu nhận hồ sơ cấp thẻ Đảng viên; Tập huấn công tác rà soát cử tri trên CSDL quốc gia về dân cư. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả, góp phần hoàn thành nhiệm vụ theo lộ trình kế hoạch đề ra.

- Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền⁵;

³ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.

⁴ Theo hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 119/VPUBND-PVHCC ngày 24/7/2025.

⁵ Kết nối hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh đến hệ thống đài truyền thanh thông minh của 135 xã, phường với 4.309 cụm loa để sử dụng trong công tác tuyên truyền các hoạt động, kết quả của Đề án 06; tổ chức tuyên truyền tập trung, lưu động tại 135 xã, phường, 2.693 thôn, làng, tổ dân phố với trên 50 nghìn lượt công dân tham gia; 573 lượt tin, bài tuyên truyền về Đề án 06, tài khoản ĐDDT, DVC trực tuyến; 1.132 lượt phát thanh trên hệ thống truyền thanh của xã, phường truyền thanh lưu động; 1.362 bài viết trên các mạng xã hội; hơn 100 nghìn lượt thông qua giải quyết các TTHC cho người dân; xây dựng chuyên mục cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử để tuyên truyền cải cách hành chính; triển khai 18 Tổ dân phố điện tử, 14 Khu dân cư điện tử hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích số, nộp hồ sơ giải quyết TTHC, thành lập tuyến phố không tiền mặt, Khu phố thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ thanh toán không dùng tiền mặt; Hội phụ nữ tỉnh Gia Lai thành lập 18 mô hình “Tổ phụ nữ ứng dụng công

phối hợp với Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; mở các chuyên trang, chuyên mục hỏi, đáp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thực hiện các nội dung của Đề án 06.

2. Về hoàn thiện thể chế

Tham gia góp ý các dự thảo: ⁽¹⁾Quyết định ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi⁶; ⁽²⁾Quyết định của Thủ tướng chính phủ về định danh địa điểm⁷; ⁽³⁾Hồ sơ xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Dữ liệu⁸; ⁽⁴⁾Tờ trình, Nghị định của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; ⁽⁵⁾Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung⁹; ⁽⁶⁾Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án tích hợp các hệ thống camera giám sát với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh và kết nối liên thông với CSDL quốc gia về dân cư¹⁰; ⁽⁷⁾Tài liệu kỹ thuật hướng dẫn đồng bộ, khai thác dữ liệu thông tin giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC theo văn bản số 7364/TCT ngày 22/10/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ¹¹; ⁽⁸⁾Tờ trình và Quyết định phê duyệt Đề án phát triển Công dân số giai đoạn 2025 – 2030 theo yêu cầu của Bộ Công an tại Công văn số 4770/BCA-C06 ngày 22/10/2025¹²; ⁽⁹⁾Tờ trình, Nghị quyết của Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai đấu giá tài sản trực tuyến theo quy định của Luật Đấu giá tài sản¹³.

3. Công tác cải cách TTHC, cung cấp DVC trực tuyến

3.1. Về cải cách quy định TTHC

(1) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã được nâng cấp, kết nối thông suốt với Công DVC quốc gia, đáp ứng mô hình triển khai chính quyền 02 cấp; hoàn thành công khai, tích hợp 100% TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC, bố trí nhân sự, địa điểm, trang thiết bị vật chất, kỹ thuật triển khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp cơ bản phục vụ công tác.

(2) Rà soát, phân cấp TTHC:

nghe 4.0”, “Phụ nữ chuyển đổi số” với 432 thành viên;..... Tuyên truyền qua ứng dụng Zalo Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (hiện có hơn 161.000 người quan tâm) và trang Fanpage Tin tức Bình Định (hiện có hơn 66.000 người quan tâm); UBND tỉnh triển khai Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027”.

⁶ Văn bản số 567/CAT-PC06 ngày 12/02/2025 của Công an tỉnh.

⁷ Theo văn bản số 4764/VP-NC ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Gia Lai v/v triển khai văn bản số 4452/BCA-C06 ngày 16/12/2024 của Bộ Công an về góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng chính phủ về định danh địa điểm và Công an tỉnh đã có báo cáo tại văn bản số 7247/CAT-PC06 ngày 30/12/2024.

⁸ Văn bản số 370/CAT-PC06 ngày 22/01/2025 của Công an tỉnh.

⁹ Báo cáo số 1219/BC-CAT-PC06 ngày 01/8/2025.

¹⁰ Báo cáo số 485/SKHCHN-TTCĐS ngày 14/8/2025.

¹¹ Công văn số 5824/UBND-PVHCC ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh.

¹² Công văn số 3894/CAT-PC06 ngày 10/11/2025 của Công an tỉnh.

¹³ Công văn số 1185/PC03-Đ2 ngày 28/11/2025 của Công an tỉnh.

- Hoàn thành rà soát, đề xuất phân cấp 294 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó, chuyển cấp tỉnh 22 TTHC, chuyển cấp tỉnh và cấp xã 26 TTHC, bãi bỏ 05 TTHC, chuyển cấp xã 241 TTHC. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 14 Quyết định¹⁴ ủy quyền cho các sở, ban, ngành tỉnh giải quyết 258 TTHC và 02 Quyết định¹⁵ phân cấp cho các sở, ban, ngành tỉnh giải quyết 48 TTHC.

- Rà soát, thực hiện cắt giảm từ 30% - 50% thời gian giải quyết đối với 100% TTHC cấp tỉnh, cấp xã¹⁶. Rà soát các TTHC thuộc danh mục DVC trực tuyến một phần, các TTHC nộp hồ sơ trực tiếp và đề xuất quy trình phối hợp thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính (phi địa giới) trong phạm vi toàn tỉnh đảm bảo thông suốt, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật với 2.210 TTHC¹⁷. Tập trung rà soát, khắc phục các điểm nghẽn trong cung cấp và thực hiện DVC trực tuyến¹⁸.

- Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết/tiếp nhận có 214 TTHC có thành phần hồ sơ là các loại giấy tờ đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử (VNeID), 35 TTHC có yêu cầu nộp/xuất trình giấy tờ hộ tịch; đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành có liên quan thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ đối với các TTHC có thể sử dụng thông tin giấy tờ tích hợp vào tài khoản VNeID thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC, sử dụng thông tin hộ tịch trên CSDL hộ tịch điện tử để cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC cho người dân.

- Rà soát đối với 734 TTHC có chứa một trong 15 loại giấy tờ đã có thông tin trên CSDL quốc gia hoặc CSDL chuyên ngành, đồng thời đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC¹⁹. **Kết quả:** 393 TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế ngay bằng dữ liệu, 333 TTHC thuộc thẩm quyền cấp bộ, không thuộc phạm vi giải quyết của địa phương, 07 TTHC không có thành phần hồ sơ đề xuất thay thế bằng dữ liệu và 01 TTHC đã bị bãi bỏ trên địa bàn tỉnh. Ngày 29/11/2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND Công bố Danh mục 436 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(3) Công tác kiểm tra, đôn đốc:

¹⁴ (1) Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025; (2) Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 19/8/2025; (3) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025; (4) Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 19/8/2025; (5) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025; (6) Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/08/2025; (7) Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17/7/2025; (8) Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025; (9) Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 18/9/2025; (10) Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 07/10/2025; (11) Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 25/09/2025; (12) Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 17/10/2025; (13) Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; (14) Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; (15) Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 01/12/2025.

¹⁵ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 20/09/2025 và Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 04/11/2025.

¹⁶ Công văn số 4616/UBND-PVHCC ngày 07/10/2025 và Thông báo kết luận số 255/TB-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh; Công văn số 558/VPUBND-PVHCC ngày 01/10/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

¹⁷ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh.

¹⁸ Công văn số 5352/UBND-PVHCC ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh.

¹⁹ Thực hiện Công văn số 4735/TCT ngày 20/10/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 v/v rà soát TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5552/UBND-PVHCC ngày 24/10/2025, Công văn số 5595/UBND-PVHCC ngày 26/10/2025 chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

- Rà soát, khắc phục các điểm nghẽn trong cung cấp và thực hiện DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai²⁰.

- Thực hiện Công văn số 10758/VPCP-KSTT ngày 05/11/2025 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành văn bản²¹ yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương khắc phục tình trạng hồ sơ tiếp nhận, xử lý quá hạn trên Cổng DVC Quốc gia để không làm ảnh hưởng trực tiếp đến Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành văn bản²² chỉ đạo khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế liên quan đến kết quả “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh Gia Lai”²³.

(4) Triển khai thực hiện phi địa giới: Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ²⁴ và Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh²⁵; Văn phòng UBND tỉnh đã cấu hình việc cung cấp DVC trực tuyến đối với 100% TTHC của tỉnh Gia Lai đáp ứng cho yêu cầu thực hiện TTHC phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh bằng phương thức trực tuyến (*gửi hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và nhận kết quả trực tuyến*). Hoàn thành việc cấu hình tính năng trên Hệ thống VNPT - iGate đảm bảo cho việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ phi địa giới đối với trường hợp người dân, doanh nghiệp có nhu cầu trực tiếp nộp hồ sơ giấy tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã cho 208 TTHC thiết yếu, thực tế có phát sinh nhiều hồ sơ.

(5) Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVC trực tuyến:

- Phối hợp Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Agribank triển khai mô hình điểm “Đại lý DVC trực tuyến” tại 91 điểm giao dịch trên địa bàn tỉnh; lắp đặt Kiosk thông minh tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.

- Đề nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng nhu cầu ưu tiên tiếp nhận hồ sơ đối với các đối tượng đặc biệt (*người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật,...*), Văn phòng UBND tỉnh tổ chức thực hiện Mô hình “Quầy ưu tiên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh”²⁶, 35/135 UBND cấp xã ban hành Kế hoạch, Phương án Kịch bản hoặc Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ người dân yếu thế khi liên hệ giải quyết TTHC.

²⁰ Báo cáo số 721/BC-VPUBND ngày 25/10/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

²¹ Công văn số 6398/UBND-PVHCC ngày 12/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²² Công văn số 6692/UBND-PVHCC ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²³ Theo đó, (i) Thông qua công tác rà soát, đánh giá dữ liệu “Thanh toán trực tuyến” được trích xuất từ Cổng DVC quốc gia, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch UBND xã, phường chấn chỉnh tình trạng cập nhật việc thu phí, lệ phí TTHC không đúng quy định trên Hệ thống VNPT - iGate; (ii) Thông qua công tác rà soát, đánh giá dữ liệu về “Công tác số hóa hồ sơ TTHC” của UBND các xã, phường được trích xuất từ Hệ thống VNPT - iGate, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch UBND xã, phường quán triệt, thực hiện nghiêm quy trình số hóa thành phần hồ sơ, trả kết quả điện tử trên Hệ thống VNPT - iGate đối với 100% hồ sơ phát sinh; (iii) Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành văn bản đề nghị các đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương rà soát, xử lý, giải quyết dứt điểm các phản ánh, kiến nghị và cập nhật kết quả trả lời trực tiếp trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị đã được phân quyền cho các đơn vị, địa phương.

²⁴ Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng DVC quốc gia.

²⁵ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

²⁶ Kế hoạch số 458/KH-VPUBND ngày 16/09/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định²⁷ tiếp tục áp dụng Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện DVC trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Gia Lai²⁸. Theo đó, điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu như: 95% hồ sơ TTHC do đoàn viên, thanh niên thực hiện được giao dịch bằng hình thức trực tuyến. 100% đoàn viên, thanh niên được thông tin, tuyên truyền về DVC trực tuyến; Hàng năm, hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 30% công dân từ 14 tuổi trở lên đăng ký chữ ký số cá nhân (*tính trên tổng số công dân từ 14 tuổi trở lên chưa đăng ký chữ ký số*) và ít nhất 20% người dân có tài khoản VNeID tích hợp Sở SKĐT trên ứng dụng VNeID, ...

3.2. Kết quả cung cấp DVC trực tuyến

(1) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai được kết nối với Cổng DVC quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và nhiều hệ thống thông tin, CSDL khác, phục vụ xác thực, khai thác sử dụng dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC. Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và tiếp nhận, giải quyết TTHC từ ngày 01/7/2025 đảm bảo ổn định, thông suốt.

Tổng số TTHC: 2.207 TTHC; trong đó: 1.802 TTHC cấp tỉnh, 405 TTHC cấp xã. Cung cấp 2.205 DVC trực tuyến²⁹ (*1.090 DVC trực tuyến toàn trình chiếm 49,4%, 1.115 DVC trực tuyến một phần chiếm 50,6%*), còn lại 01 TTHC chưa cung cấp DVC trực tuyến.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tiếp nhận 703.351 hồ sơ, trong đó bao gồm: 219.675 hồ sơ tiếp nhận mới (*có 608.414 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến (tỷ lệ 86,5%), 73.897 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích*), 121.040 hồ sơ tiếp nhận từ kì trước chuyển qua³⁰.

(2) Đến nay, đã cung cấp 59/73 DVC thiết yếu theo Đề án 06, Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Chính phủ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, giải quyết 640.097 hồ sơ; trong đó, 495.842 hồ sơ tiếp nhận, giải quyết qua DVC trực tuyến (tỷ lệ 77,5%). Một số TTHC có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao như: Xác nhận số Chứng minh 9 số, số định danh cá nhân (100%); Khai báo tạm vắng (100%); Thông báo lưu trú (100%); Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông (100%); Liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi (100%); Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (100%); Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp phục vụ sinh hoạt (100%); Thay đổi thông tin khách hàng sử dụng điện (100%);

²⁷ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

²⁸ Công văn số 801/VPUBND-PVHCC ngày 05/11/2025 của Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Thường trực Tỉnh đoàn chỉ đạo tổ chức, đơn vị trực thuộc triển khai Về việc triển khai Quyết định số 2455/QĐ-UBND nêu trên.

²⁹ Về phân cấp thực hiện: Cấp tỉnh thực hiện: 1.801 DVC trực tuyến (918 DVC trực tuyến toàn trình, 883 DVC trực tuyến một phần). Cấp xã thực hiện: 404 DVC trực tuyến (172 DVC trực tuyến toàn trình, 232 DVC trực tuyến một phần).

³⁰ Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 660.135 hồ sơ, trong đó bao gồm: 566.675 hồ sơ giải quyết trước hạn, 77.880 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 15.580 hồ sơ giải quyết trễ hạn trễ hạn. Lượng hồ sơ đang giải quyết: 43.216 hồ sơ, trong đó bao gồm: 24.525 hồ sơ còn trong hạn, 18.691 hồ sơ quá hạn.

(3) Kết quả thực hiện các TTHC theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương:

- Đối với 982 DVC trực tuyến: Đã cung cấp 874 DVC trực tuyến (*422 DVC trực tuyến toàn trình và 452 DVC trực tuyến một phần*). Còn lại 105 TTHC đã bãi bỏ và 03 TTHC ko áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với 82 nhóm TTHC theo Đề án 06: Đây là nhiệm vụ do Bộ, ngành chủ trì triển khai; địa phương chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện.

- Đối với 1.139 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, cắt giảm giấy tờ và chi phí: Ngày 29/11/2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND Công bố Danh mục 436 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Cung cấp 25 DVC trực tuyến toàn trình về dữ liệu: Có 04 DVC có kết nối, liên thông với Hệ thống VNPT-iGate (02 nhóm DVC liên thông khai sinh - khai tử, Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, Thông báo khuyến mãi); 21 DVC còn lại thuộc các ngành quản lý (Công an tỉnh: 10 DVC, BHXH: 05 DVC; Thuế tỉnh: 01 DVC; Điện lực Gia Lai: 05 DVC).

(4) Thực hiện Công văn số 4725/TCT ngày 20/10/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC; chuyển đổi số gắn với Đề án 06 về việc đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, triển khai DVC liên thông 02 nhóm TTHC “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Giải quyết mai táng phí, tử tuất”, UBND tỉnh ban hành văn bản³¹ tiếp tục triển khai thực hiện tốt 02 nhóm DVC liên thông "khai sinh, khai tử" trên địa bàn tỉnh; đồng thời, rà soát, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý dứt điểm **728** hồ sơ liên thông xử lý bị lỗi hoặc chỉ thực hiện thủ tục khai sinh đơn lẻ mà không thực hiện thủ tục liên thông “Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi”.

(5) Thực hiện đóng giao diện Cổng DVC tỉnh, đồng bộ thông tin hồ sơ TTHC từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên Cổng DVC quốc gia; thực hiện thành công đăng nhập một lần từ Cổng DVC quốc gia, thanh toán trực tuyến. Đảm bảo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện DVC trực tuyến và công khai, minh bạch, theo dõi, giám sát, đánh giá được toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC bằng dữ liệu theo thời gian thực.

(6) Kết quả thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tính đến hết ngày 29/12/2025, tỉnh Gia Lai đạt 96,63 điểm, xếp thứ 02/34 tỉnh/thành phố; trong đó, 13/13 sở, ngành và 134/135 UBND cấp xã có điểm đánh giá xếp loại Xuất sắc³².

(7) Số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ bình quân chung cả tỉnh đạt 88,21%, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao 80%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa bình quân chung của tỉnh đạt 94,84%, vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao 50%. Tỷ lệ hồ sơ cấp

³¹ Công văn số 5643/UBND-PVHCC ngày 27/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³² Riêng xã Lơ Pang có điểm đánh giá xếp loại Tốt.

kết quả điện tử đạt 98,83%.

- Đối với tái sử dụng dữ liệu đã số hóa để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với 200 TTHC có thể tái sử dụng dữ liệu hộ tịch, đất đai theo thẩm quyền: Phối hợp Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, kết nối CSDL đất đai với CSDL quốc gia về đất đai, CSDL quốc gia về dân cư để tái sử dụng dữ liệu hộ tịch, đất đai đã số hóa phục vụ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

(8) Rà soát, đánh giá hạ tầng, đường truyền, máy tính, máy in, nguồn nhân lực: Hạ tầng kỹ thuật CNTT trong các cơ quan Nhà nước cơ bản đáp ứng yêu cầu, có kết nối Internet tốc độ cao, hệ thống mạng LAN được xây dựng hoàn thiện. Các trang thiết bị phụ trợ như máy in, máy photo, máy quét, thiết bị mạng cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác; tỷ lệ số máy tính/cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị khối sở, ban, ngành; cấp xã, phường đạt 100%. Công chức, viên chức phòng chuyên môn tham gia số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực, số hóa hồ sơ trong quá trình giải quyết TTHC đều được trang bị máy tính, trang thiết bị theo điều kiện thực tế của từng đơn vị.

4. Về tiện ích phát triển KT - XH

4.1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển KT - XH trên các lĩnh vực:

(1) Lĩnh vực Ngân hàng:

- Công tác đối chiếu sinh trắc học qua CC/CCCD gắn chip và ứng dụng VNeID được các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn triển khai mạnh mẽ, với tỷ lệ hồ sơ khách hàng được đối chiếu đạt 100% tổng lượng tài khoản phát sinh giao dịch trên kênh số. Hiện có 26/33 TCTD triển khai xác thực CC/CCCD qua ứng dụng di động, 23/33 triển khai tại quầy, 20/33 triển khai tài khoản định danh – xác thực điện tử (VNeID), trong đó 09 đơn vị đã vận hành chính thức. Công tác làm sạch dữ liệu theo yêu cầu C06 với 10/33 TCTD ký kết triển khai; 14/33 TCTD đã liên kết tài khoản an sinh xã hội (ASXH) với tài khoản ngân hàng phục vụ chi trả ASXH qua VNeID. Ngoài ra, một số TCTD đang nghiên cứu tích hợp kỹ thuật nhằm triển khai kết nối khai thác dịch vụ chấm điểm khả tín của C06.

- Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền về sản phẩm cho vay tín chấp không tài sản đảm bảo để người dân biết, tiếp cận, sử dụng với hơn 94 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia, tổng dư nợ trên 5.126 tỷ đồng.

(2) Lĩnh vực y tế:

- *Triển khai khám, chữa bệnh BHYT bằng thẻ CC/CCCD, ứng dụng VNeID: 100%* cơ sở khám, chữa bệnh triển khai thực hiện, tra cứu 8.034.643 lượt thông tin thẻ BHYT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thẻ CC/CCCD, ứng dụng VNeID mức độ 2 đi khám chữa bệnh, tiết kiệm thời gian cho cơ sở khám, chữa bệnh cập nhật thông tin người bệnh và chi phí cho cơ quan BHXH.

- *Liên thông dữ liệu Giấy Chứng sinh, Giấy Chứng tử và dữ liệu Giấy khám*

sức khỏe lái xe: Thực hiện liên thông 95.532 dữ liệu Giấy chứng sinh (*tại 103 cơ sở y tế*), 1.689 dữ liệu Giấy báo tử (*tại 39 cơ sở y tế*) lên Cổng Giám định BHXH; liên thông 337.208 dữ liệu khám sức khỏe lái xe (*tại 39 cơ sở y tế*) phục vụ cấp đổi, cấp lại Giấy phép lái xe trực tuyến.

- *Triển khai KIOSK thông minh*: Sở Y tế phối hợp các ngân hàng thương mại (HDBank, BIDV, Agribank, Vietcombank) triển khai lắp đặt 83 KIOSK thông minh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, giúp người dân thuận lợi trong việc đăng ký, tra cứu thông tin và giảm thời gian chờ đợi.

- *Triển khai Bệnh án điện tử*: 100% cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai, vận hành thành công Bệnh án điện tử (EMR), tạo nền tảng quan trọng trong liên thông, chia sẻ dữ liệu y tế, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- *Triển khai kết nối Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với các BV trên địa bàn tỉnh*: 40/40 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh giữa Hệ thống quản lý Bệnh viện (HIS) với hệ thống điều phối dữ liệu y tế quốc gia.

(3) Lĩnh vực thuế:

- Công tác quản lý thuế, hóa đơn điện tử (HDDT) được triển khai quyết liệt, hiệu quả, góp phần tăng thu ngân sách. Tính đến ngày 13/11/2025, triển khai lập hóa đơn điện tử, khởi tạo hóa đơn điện tử máy tính tiền cho 5.166/5.402 hộ kinh doanh kết nối, sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (*tỷ lệ 95,63%*).

- Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước từ hoạt động thương mại điện tử, dịch vụ ăn uống: điều chỉnh doanh thu thuế khoán đối với 675 hộ kinh doanh với số thuế qua rà soát là 2.194 triệu đồng. Tổng số doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh là 37 doanh nghiệp và 1.847 cá nhân đã được quản lý và nộp thuế theo quy định.

- 100% doanh nghiệp nộp thuế bằng phương thức điện tử thông qua cổng thông tin điện tử dành cho doanh nghiệp (*tại địa chỉ: <https://thuedientu.gdt.gov.vn>; <https://dichvucong.gdt.gov.vn>*) có kết nối với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Triển khai cho hộ kinh doanh đăng ký, nộp thuế điện tử thông qua ứng dụng dành cho thiết bị di động thông minh (eTax mobile) đem lại những kết quả nhất định. Tính đến ngày 30/11/2025 toàn ngành đã triển khai đạt 98,2% tổng số hộ kinh doanh được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử qua ứng dụng eTax mobile với số thuế thực hiện nộp qua ứng dụng đạt tỷ lệ 80% trên tổng số thuế đã nộp của hộ kinh doanh.

(4) Lĩnh vực giáo dục: Triển khai Học bạ số tại 100% đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh (*694 đơn vị sử dụng học bạ số trên hệ thống SMAS do Viettel cung cấp, 215 đơn vị sử dụng hệ thống VNEDU do VNPT cung cấp*).

(5) Lĩnh vực giao thông: Hoàn thành triển khai thu phí không dừng và các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác tại Bến xe khách Trung tâm Quy Nhơn, khảo sát, xây

dựng kế hoạch triển khai tại Bến xe khách Đức Long Gia Lai³³ và tại các bãi đỗ xe trong đô thị.

(6) Về triển khai ứng dụng định danh, xác thực điện tử và nhận diện sinh trắc học phục vụ làm thủ tục đi máy bay, đến nay đã triển khai tại 02 Cảng hàng không trên địa bàn tỉnh (Pleiku và Phù Cát).

4.2. Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt

- Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tích cực phối hợp với Tổ Công nghệ số cộng đồng triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiểu thương cài đặt, sử dụng mô hình chợ 4.0.

- *Lĩnh vực ASXH:*

+ Chi trả BHXH: Số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng qua tài khoản cá nhân là 24.155/36.663 người, chiếm tỉ lệ 65,88% trên tổng số người hưởng hàng tháng khu vực đô thị. Số người hưởng chế độ BHXH một lần qua tài khoản cá nhân là 27.894/28.462, chiếm tỉ lệ 98% trên số người nhận trợ cấp BHXH một lần. Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân là 14.735/14.912 chiếm tỷ lệ 98,81% trên số người nhận trợ cấp thất nghiệp.

+ Chi trả Người có công: Toàn tỉnh hiện có 40.669 đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi Người có công với cách mạng hàng tháng, trong đó: 9.610 đối tượng có tài khoản ngân hàng và thân nhân được ủy quyền (tỷ lệ 23,63%) với 7.964 đối tượng đã nhận trợ cấp qua tài khoản ngân hàng. Còn 31.059 đối tượng không có tài khoản ngân hàng, không có tài khoản của người thân được ủy quyền (tỷ lệ 76,37%).

- Ứng dụng thanh toán số, hợp đồng điện tử, chữ ký số cá nhân, đặc biệt là thuế, phí, lệ phí được triển khai rộng khắp với 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện khai thuế điện tử, sử dụng HĐĐT; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm, các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, ... triển khai thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ người tiêu dùng.

- Các TCTD trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ATM, POS, QR code, Internet Banking và Mobile Banking. Hầu hết ngân hàng đều có ứng dụng thanh toán trực tuyến tích hợp nhiều tiện ích, khuyến mãi, ưu đãi nhằm khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt. Mạng lưới QR code được triển khai rộng tại chợ, cửa hàng, doanh nghiệp, giúp thanh toán nhanh, an toàn, giảm dùng tiền mặt. Triển khai nhiều chính sách ưu đãi đối với đối tượng nhận chi trả ASXH khi mở, sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy chi trả ASXH không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Triển khai nhiều chương trình ưu đãi kèm quà tặng khuyến khích học sinh, sinh viên (đủ 15 tuổi) mở tài khoản thanh toán.

4.3. Kết quả phát triển, triển khai mô hình kinh tế số: Người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang từng bước tham gia cài đặt và sử dụng các dịch vụ số

³³ Trong số 17 bến xe trên địa bàn tỉnh Gia Lai: 02 bến loại I; 03 bến loại III; 10 bến loại IV; 02 bến loại V.

phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia sàn thương mại điện tử... phục vụ công việc và đời sống hàng ngày.

5. Về phát triển công dân số

(1) Thu nhận, cấp thẻ CC/CCCD cho 2.752.097 trường hợp trên tổng số 2.792.715 công dân đủ điều kiện (*tỷ lệ 98,55%*); thu nhận 2.331.471 hồ sơ định danh điện tử trên tổng số 2.752.097 công dân có thẻ CC/CCCD (*tỷ lệ 84,7%*); kích hoạt 2.137.471 tài khoản (*chiếm tỷ lệ 91,7% trên tổng số hồ sơ định danh định danh điện tử đã thu nhận; chiếm tỷ lệ 77,67% trên tổng số công dân có thẻ CC/CCCD; chiếm tỷ lệ 76,5% trên tổng số công dân từ đủ 14 tuổi trở lên; chiếm tỷ lệ 60,3% trên tổng số 3.546.906 công dân thường trú*). Triển khai cấp tài khoản VNeID cho 139 trường hợp là người nước ngoài

(2) Tiếp tục triển khai, cung cấp 50 tiện ích trên ứng dụng VNeID (*tăng 20 tiện ích so với năm 2024; trong đó, đã tích hợp các nhóm giấy tờ: Giấy phép lái xe, Đăng ký phương tiện, thẻ BHYT, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*).

- Về triển khai Sổ SKĐT trên ứng dụng VNeID: Tính đến hết ngày 10/12/2025, tích hợp 884.073 thẻ BHYT, 17.242 giấy chuyển tuyến, 45.864 giấy hẹn tái khám lại trên ứng dụng VNeID. Tỷ lệ tích hợp thẻ BHYT, Sổ SKĐT trên tổng số công dân thường trú đạt 24,74%, xếp hạng 28/34 tỉnh/thành phố.

- Về cấp Phiếu Lý lịch tư pháp (LLTP): Công an tỉnh tiếp tục triển khai cấp Phiếu LLTP trên ứng dụng VNeID. Năm 2025, đã tiếp nhận 22.655 hồ sơ cấp phiếu LLTP (*qua DVC: 1.181 trường hợp, VNeID: 20.706 trường hợp, trực tiếp: 768 trường hợp*); đã cấp 22.162 LLTP (*qua DVC: 1.481 trường hợp, VNeID: 19.937, trực tiếp: 744*).

- Triển khai Công ký số từ xa để đảm bảo tính xác thực và pháp lý cho giao dịch điện tử: Tích hợp chữ ký số trên VNeID của 08 nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số³⁴. Ngày 05/3/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 506/KH-UBND Triển khai cao điểm cấp chữ ký số công cộng và tích hợp thẻ BHYT, Sổ SKĐT trên ứng dụng VNeID cho người dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ)³⁵.

- Triển khai các tiện ích mới trên ứng dụng VNeID³⁶: Tích hợp tài khoản ASXH; Bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp thông qua VNeID về dịch vụ toàn trình; Bổ sung tích hợp thông tin học bạ của người phụ thuộc; Cập nhật tích hợp thông tin hộ chiếu; Người dân có thể cung cấp thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước; Triển khai 09 DVC trên ứng dụng VNeID³⁷; Tích hợp Công pháp luật quốc gia trên ứng dụng VNeID;

³⁴ Gồm 05 doanh nghiệp (VNPT, Viettel, CA2, Misa, Softdream) và 03 Ngân hàng thương mại (BIDV, Vietcombank, PVBank)

³⁵ Tính đến hết ngày 10/6/2025, đã khởi tạo 65.518 chữ ký số công cộng (51.275 chữ ký VNPT-SmartCA, 14.243 chữ ký Mysign) trên VNeID.

³⁶ Công văn số 4385/CAT-PC06 ngày 03/12/2025 của Công an tỉnh về triển khai tiện ích DVC trên VNeID.

³⁷ Xác nhận thông tin về cư trú; Khai báo tạm vắng; Xóa đăng ký thường trú; Điều chỉnh thông tin về cư trú trong CSDL cư trú; Xác nhận CMND 09 số, số định danh cá nhân; Cấp lại thẻ Căn cước; DVC liên thông đăng ký khai

Triển khai giải pháp cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão, lũ;...

(3) Định danh tổ chức: Tính đến ngày 09/12/2025, đã thực hiện định danh điện tử đối 16.719 tổ chức đủ điều kiện, đạt tỷ lệ 100% (gồm: 13.219 doanh nghiệp, hợp tác xã; 163 cơ quan công an; 3.337 cơ quan, tổ chức khác). Hiện còn 4.302 cơ quan, tổ chức chưa đăng ký được định danh tổ chức (ngừng hoạt động, không có trụ sở tại địa bàn, đăng ký nhiều lần không đạt, không liên hệ được người đứng đầu...).

(4) Lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo các văn bản trên ứng dụng VNeID: Triển khai lấy ý kiến nhân dân về nội dung Dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 2013 qua ứng dụng VNeID với 221.974 công dân tham gia góp ý; Triển khai tham gia góp ý dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng qua ứng dụng VNeID với 60.971 đảng viên tham gia góp ý.

(5) Triển khai phương án lập danh sách cử tri dựa trên dữ liệu dân cư, hiện thị khu vực bỏ phiếu trên VNeID và thông tin người ứng cử trên VNeID để phục vụ công tác chuyển đổi số trong bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031.

(6) Cấp thẻ đảng viên: Đến hết ngày 12/9/2025, Công an tỉnh đã phối hợp thu nhận hồ sơ đổi Thẻ đảng viên cho tổng số 143.146 đảng viên. Trong đó, thu nhận dữ liệu đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Gia Lai là 138.005/139.281 đảng viên thuộc diện đổi Thẻ đảng, đạt tỷ lệ 99,08%.

(7) Chi trả quà Quốc khánh trên phần mềm ASXH thuộc Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư: Chi trả, tích lên phần mềm ASXH 3.481.032/3.550.615 trường hợp với tổng số tiền đã chi trả 348.103.200.000/355.061.500.000 đồng.

6. Về kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với các CSDL khác

6.1. CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối với 15 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel, Mobifone). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối với hệ thống CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

6.2. Về số hóa, xây dựng CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư

(1) Về dữ liệu hộ tịch:

- Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch với 2.969.249 dữ liệu.

- Làm sạch dữ liệu khai sinh: Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp³⁸ về rà soát, xử lý dữ liệu sai lệch giữa CSDL hộ tịch điện tử với CSDL quốc gia về dân cư.

sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT; DVC liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất; DVC liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú.

³⁸ Tại Văn bản số 302/HCTP-HT ngày 11/4/2025 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn rà soát, xử lý dữ liệu sai lệch giữa CSDL hộ tịch điện tử với CSDL quốc gia về dân cư. Văn bản số 692/STP-NV3 ngày 14/4/2025 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tập trung nguồn lực rà soát, xử lý dữ liệu khai sinh có yêu cầu rà soát trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử.

cư, Sở Tư pháp, UBND các xã, phường tập trung nguồn lực rà soát, xử lý 205.587 dữ liệu khai sinh có yêu cầu rà soát trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử. Hiện còn 21.763 dữ liệu đang tiếp tục xử lý.

- Làm sạch dữ liệu kết hôn: Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp³⁹ về việc hướng dẫn rà soát, xử lý dữ liệu sai lệch giữa CSDL hộ tịch điện tử với CSDL quốc gia về dân cư, đã xử lý 52.952 dữ liệu kết hôn sai lệch trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch. Hiện còn 1.580 dữ liệu đang xử lý.

- Các địa phương chủ động khai thác, tra cứu dữ liệu hộ tịch trên toàn quốc để phục vụ giải quyết TTHC theo quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020⁴⁰.

- Tập trung thực hiện số hóa, làm sạch dữ liệu thông tin kết hôn tại các cơ quan đăng ký hộ tịch, thông tin ly hôn theo bản án của Tòa án để thực hiện chia sẻ cho CSDL quốc gia về dân cư và hiển thị lên ứng dụng VNeID phục vụ giải quyết TTHC, cắt giảm thành phần hồ sơ đối với các TTHC có yêu cầu “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”; cắt giảm TTHC “cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” trên địa bàn tỉnh⁴¹. Tòa án nhân dân tỉnh số hóa 62.820 bản án/quyết định ly hôn, đồng bộ 100% và kết nối với CSDL quốc gia theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Hiện đang tiếp tục rà soát, số hóa đối với các bản án, quyết định ly hôn từ năm 1977 trở về trước để kết nối, làm sạch với CSDL quốc gia về dân cư.

(2) Về dữ liệu đất đai: Hoàn thành phân loại 2.053.343 thửa đất xây dựng CSDL; đối khớp 2.053.343/2.062.125 thửa đất (8.782 thửa đất chưa xác định do chủ đất khai báo sai thông tin); thu thập 51.547 GCN thửa đất, quét và nhập vào CSDL; đồng bộ 2.053.343 thửa đất vào CSDL quốc gia về đất đai. Rà soát, đề xuất cắt giảm 21 TTHC thuộc lĩnh vực đất đai.

(3) Về dữ liệu thuế:

- Chuẩn hóa dữ liệu thông tin người đại diện của tổ chức không liên thông theo công văn 4735/TCT-KK ngày 22/10/2024 của Tổng cục Thuế về rà soát thông tin để đảm bảo điều kiện triển khai cấp tài khoản định danh của tổ chức. Tổng số Mã số thuế tổ chức (không liên thông) giao nhiệm vụ rà soát chuẩn hóa (trạng thái đang hoạt động 00, 04) đã làm sạch đối khớp với Bộ Công an 4.330/4.336, đạt tỷ lệ: 99,8% (Trong đó, có 06 MST chiếm 0,2% là người nước ngoài sử dụng passport không trùng khớp với CSDL quốc gia về dân cư).

- Chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế (MST) cá nhân theo công văn số 6059/TCT-DNNCN ngày 29/12/2023 của Tổng cục Thuế về rà soát chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân đảm bảo đồng bộ dữ liệu thông tin của người nộp thuế (NNT) với CSDL quốc

³⁹ Công văn số 1049/HCTP-HT ngày 07/8/2025 của Cục Hành chính tư pháp về việc hướng dẫn rà soát, xử lý dữ liệu sai lệch giữa CSDL hộ tịch điện tử với CSDL quốc gia về dân cư.

⁴⁰ Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, Xác nhận thông tin hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú và nơi đăng ký hộ tịch trước đây) và Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 (tra cứu thông tin liên quan đến hôn nhân – phục vụ giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, không phải nộp, xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân).

⁴¹ Kế hoạch số 1647/KH-UBND ngày 11/6/2025 về Triển khai thực hiện cao điểm 90 ngày đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và triển khai cắt giảm thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

gia về dân cư, tiến tới chuyển sang sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho MST theo chỉ đạo của Cục Thuế. Kết quả: 4 nhóm đối tượng ưu tiên đã rà soát 230.956/233.749 (tỷ lệ 98,81%), còn lại 2.797 MST (tỷ lệ 1,19%) thuộc các trường hợp như: Cá nhân chưa cấp/không có CC/CCCD; Đã liên hệ với NNT nhưng NNT không cung cấp thông tin; Cá nhân chết, mất tích,.....

(4) Về dữ liệu cán bộ công chức, viên chức: Sở Nội vụ phối hợp VNPT hoàn thành hợp nhất hai hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cập nhật, kết nối, chia sẻ 66.911 hồ sơ cán bộ, công chức sau sắp xếp, sáp nhập cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính theo chính quyền 2 cấp.

(5) Về dữ liệu BHXH: Số lượng người tham gia BHXH, BHYT đã xác thực với CSDL quốc gia về dân cư là 2.750.279/2.757.552 người (tỷ lệ 99,72%), đảm bảo triển khai mã số định danh cá nhân làm mã số BHXH từ ngày 01/8/2025.

(6) Về dữ liệu giáo dục, đào tạo: Thu thập, hoàn chỉnh thông tin định danh cá nhân của học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục trên CSDL ngành giáo dục và đào tạo và đồng bộ, kết nối, liên thông với CSDL quốc gia về dân cư. Triển khai hệ thống quản lý trường học đến 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh với đầy đủ dữ liệu tất cả các cấp học năm học 2024 – 2025. Hoàn thành số hóa dữ liệu tốt nghiệp THPT của 100 đơn vị trường học trong giai đoạn 1975 – 2009 (dữ liệu từ 2010 – 2025 đã có sẵn trên hệ thống).

(7) Về dữ liệu dân cư:

- Làm sạch dữ liệu 3.546.906 thông tin dân cư, đảm bảo thông tin dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”; cập nhật thông tin 69.902 hội viên Hội người cao tuổi, 76.354 hội viên Hội Nông dân, 24.473 hội viên Hội Cựu chiến binh, 3.766 hội viên Hội Chữ thập đỏ, 1.360.521 thông tin người lao động, 356.016 tờ khai với 447.238 phương tiện giao thông, 316.325 đối tượng ASXH,..... lên hệ thống CSDL quốc gia về dân cư; 5.525 dữ liệu GPLX bằng vật liệu PET; làm sạch 83.975/104.088 thông tin đối tượng, án tích (tỷ lệ 80,7%), làm sạch danh chỉ bản 107.816/128.121 (tỷ lệ 84,2%); làm sạch hơn 26 triệu dữ liệu đăng ký, quản lý phương tiện.

- Rà soát, cập nhật lên CSDL quốc gia về dân cư thông tin 20.201 liệt sĩ trên tổng số 20.873 thân nhân hưởng trợ cấp (đạt tỷ lệ 96,78%), còn 672 trường hợp thân nhân hưởng trợ cấp chưa được cập nhật thông tin liệt sĩ (do bị thất lạc hoặc chưa xác định thông tin trên Bảng Tổ quốc ghi công).

(8) Triển khai định danh tàu thuyền: Công an tỉnh phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành đối soát dữ liệu (Chủ tàu, số CCCD, điện thoại, địa chỉ liên hệ gắn với cơ sở dữ liệu dân cư VNeID) đối với 5.739 tàu cá.

(9) Về dữ liệu đăng ký doanh nghiệp: Rà soát, làm sạch trên 20 nghìn dữ liệu.

6.3. Về kết quả triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP về việc thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, ngày 20/8/2025, UBND tỉnh

ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND về việc Triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP trên địa bàn tỉnh.

Công an tỉnh phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, các doanh nghiệp (FPT, VNPT, Viettel) hoàn thành khảo sát, đánh giá TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành theo yêu cầu của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ⁴² và được đánh giá là địa phương đầu tiên hoàn thành khảo sát⁴³.

(1) Đối với 11 CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và 01 CSDL của Tòa án: 07 CSDL đã có nền tảng, được hình thành tập trung, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định⁴⁴; 02 CSDL chưa có nền tảng, CSDL tập trung, dữ liệu đã có một phần nhưng mới chỉ được số hóa, chưa được tạo lập theo đúng quy trình nghiệp vụ⁴⁵; 03 CSDL chưa thống nhất phạm vi, chưa có chủ trương đầu tư, hợp đồng, chưa triển khai, xây dựng trên thực tế⁴⁶.

(2) Đối với 116 CSDL được giao theo Nghị quyết 71/NQ-CP: 32 CSDL đã có nền tảng, CSDL được hình thành tập trung⁴⁷; 58 CSDL đang triển khai, bước đầu xây dựng nền tảng, phần mềm dùng chung⁴⁸; 15 CSDL đang/chưa triển khai, không đảm bảo tiến độ hoàn thành trong năm 2025⁴⁹. 11 CSDL còn lại hoàn thành năm 2026.

6.4. Về hạ tầng, hệ thống thông tin của địa phương trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình mới

(1) Về hạ tầng số, nền tảng số, đường truyền kết nối

- Công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh, ưu

⁴² Tại Công văn số 6084/TCT ngày 30/8/2025 và Công văn số 6597/TCT ngày 19/9/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ về việc đánh giá, rà soát TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành.

⁴³ Qua tổ chức khảo sát CSDL, cung cấp DVC, hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 43 CSDL, hệ thống thông tin được hình thành tại các sở, ban, ngành, song phần lớn còn nhỏ lẻ, cục bộ, chỉ phục vụ tác nghiệp nội bộ, chưa có sự chia sẻ, tích hợp để hỗ trợ giải quyết TTHC hoặc phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh; Tỉnh chưa xây dựng chiến lược dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, chưa có cơ chế chia sẻ, kết nối dữ liệu đồng bộ từ Trung ương về địa phương. Một số sở ngành (như Ngoại vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tòa án nhân dân; Thanh tra tỉnh) chưa có CSDL tác nghiệp. Từ cơ sở khảo sát, tỉnh tiếp tục cùng với các doanh nghiệp xây dựng và ban hành Chiến lược dữ liệu, Chiến lược chuyển đổi số của địa phương. Hoàn thành báo cáo khảo sát trình UBND tỉnh phê duyệt và chuyển về C06 – Bộ Công an tập hợp.

⁴⁴ **Gồm:** CSDL Hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về đất đai (Bộ Nông nghiệp và môi trường); CSDL bản án, quyết định Tòa án (Tòa án nhân dân tối cao); CSDL quốc gia về tài chính (Bộ Tài chính); CSDL quốc gia về xây dựng (Bộ Xây dựng); CSDL ngành Giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo); CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất) (Bộ Công thương)

⁴⁵ **Gồm:** CSDL quốc gia về an sinh xã hội (Bộ Nội vụ); CSDL thanh tra thu nhập tài sản (Thanh tra Chính phủ).

⁴⁶ **Gồm:** CSDL ngành Y tế (Bộ Y tế); CSDL ngành nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); CSDL xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp chuyển sang Bộ Công an).

⁴⁷ **Gồm:** Bộ Công an 12 CSDL; Bộ Tài chính 08 CSDL; Ngân hàng Nhà nước 04 CSDL; Tòa án nhân dân tối cao 01 CSDL/HTTT; Văn phòng Chính phủ 01 CSDL; Tập đoàn điện lực Việt Nam (thuộc Bộ Công Thương) 01 CSDL; Bộ Tư pháp 02 CSDL; Bộ Nội vụ 01 CSDL; Bộ Tư pháp chuyển Bộ Công an 01 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 01 CSDL.

⁴⁸ **Gồm:** Bộ Công an 04 CSDL; Bộ Tài chính 06 CSDL; Bộ Dân tộc và Tôn giáo 01 CSDL; Bộ Nội vụ 06 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 09 CSDL; Bộ Tư pháp 02 CSDL; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 03 CSDL; Bộ Xây dựng 06 CSDL; Bộ Y tế 10 CSDL; Bộ Giáo dục và Đào tạo 05 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 05 CSDL; Bộ Công thương 01 CSDL.

⁴⁹ **Gồm:** Bộ Công an 01 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 01 CSDL; Bộ Tư pháp 01 CSDL (chuyển Bộ Công an); Bộ Y tế 02 CSDL; Bộ Ngoại giao 01 CSDL; Bộ Nội vụ 03 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 03 CSDL; Bộ Xây dựng 03 CSDL.

tiên sử dụng phục vụ phát triển Chính quyền số; duy trì, vận hành phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số⁵⁰. Rà soát, công bố 20 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử để các doanh nghiệp hỗ trợ thực hiện. Hoàn thành các hệ thống, CSDL của các ngành, lĩnh vực ưu tiên triển khai và tiếp tục đẩy mạnh khai thác, sử dụng⁵¹.

- Tỷ lệ phủ sóng di động, băng rộng di động đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 2.692/2.693 thôn, làng (tỷ lệ 99,9%). Hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang) duy trì mức độ bao phủ cao, đạt 100% tại trung tâm xã, phường và 2.677/2.693 thôn, làng (tỷ lệ 99,4%), phát triển thêm 38 thôn so với năm 2024, hiện còn 16 thôn chưa có mạng cố định. Mạng 5G đã được các doanh nghiệp triển khai tại trung tâm các xã, phường với 204 trạm thu, phát sóng 5G được lắp đặt. Số thuê bao băng rộng di động đạt 84,2 thuê bao trên 100 dân. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 73,4%.

- 100% các cơ quan nhà nước kết nối và duy trì hoạt động ổn định với Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II. Công tác chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới được đẩy mạnh với 100% Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành hoàn thành chuyển đổi sang IPv6. Hệ thống hội nghị truyền hình đã được kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến 100% các xã, phường đáp ứng hiệu quả yêu cầu tổ chức các cuộc họp và chỉ đạo điều hành.

- Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong năm 2025⁵² với mục tiêu phát triển hơn 1.028 trạm 5G (*xây mới và chuyển đổi trên trạm BTS hiện hữu*) để đạt tỷ lệ phủ sóng 50% trong các khu công nghiệp/cụm công nghiệp đang hoạt động, đảm bảo chất lượng tín hiệu ổn định.

- Hình thành và đưa vào vận hành Trung tâm Dữ liệu (TTDL)⁵³ bảo đảm duy trì các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống quan trọng của tỉnh sau sáp nhập (*Hệ thống Văn bản điều hành và Trục liên thông, Hội nghị truyền hình trực*

⁵⁰ Gồm: Nền tảng LGSP; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định, việc luân chuyển văn bản điện tử đã được thực hiện liên thông 04 cấp; Hệ thống hội nghị truyền hình từ Trung ương đến cấp xã; phần mềm Quản lý giao việc; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Hệ thống Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội “Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai”.

⁵¹ Các hệ thống, CSDL ngành nông nghiệp; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn; mô hình “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID”; Nền tảng Quản lý tiêm chủng; Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng Trạm Y tế xã; Hệ thống quản lý và khai thác CSDL ngành Giao thông vận tải; hoàn thành xây dựng CSDL đất đai, xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh; Cổng du lịch thông minh tỉnh Gia Lai; các hệ thống thông tin tài chính;...

⁵² Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh về Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong năm 2025.

⁵³ Năng lực hạ tầng hiện có khoảng 40 máy chủ vật lý, trên 280 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ trên 300 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Tại cơ sở 1 đang vận hành phần lớn các hệ thống bao gồm hệ thống văn bản điện tử 58 xã/phường khu vực Bình Định (cũ) và toàn bộ hệ thống dùng chung của tỉnh sau sáp nhập, đồng thời phải duy trì cả hệ thống văn bản cũ để tra cứu; cơ sở 2 vẫn đang duy trì vận hành hệ thống văn bản điện tử 77 xã/phường khu vực Gia Lai (cũ); hệ thống văn bản cũ, LGSP và hosting đang trong giai đoạn chuyển tiếp đến khi hợp nhất hạ tầng 2 cơ sở.

tuyển, Thư điện tử công vụ, LGSP, IOC, hosting Cổng/Trang thông tin điện tử, ứng dụng Công dân số, thống kê kinh tế - xã hội, các CSDL và ứng dụng chuyên ngành). Hệ thống an toàn, an ninh thông tin được triển khai tương đối đồng bộ, bao gồm các thiết bị tường lửa thế hệ mới (Palo Alto, Fortinet, Imperva, Sophos) và thiết bị chuyên dụng chống tấn công DDoS. Nền tảng SOC của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đã được đưa vào vận hành, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an ninh mạng với Bộ Công an theo quy định.

(2) Kết nối, chia sẻ: Một số CSDL quốc gia, CSDL/Hệ thống thông tin đã được kết nối như Cổng DVC quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử; Hệ thống cấp Phiếu LLTP, VNPost, Đăng ký doanh nghiệp - Bộ Tài chính, Cổng DVC liên thông,... Triển khai thực hiện các hoạt động nghiệp vụ chứng thực điện tử của cán bộ, công chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện điều chỉnh Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh kết nối với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp phục vụ triển khai Quy trình Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.

(3) Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh: Duy trì hệ thống Trung tâm điều hành IOC tỉnh Gia Lai, kế thừa và sử dụng các hệ thống phần mềm, hạ tầng, trang thiết bị đã đầu tư của tỉnh Bình Định (cũ), đồng thời nâng cấp hệ thống nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh dựa trên hạ tầng, CSDL đã xây dựng. Hiện nay, trung tâm IOC tỉnh đang triển khai 05 dịch vụ cơ bản và 03 dịch vụ mở rộng⁵⁴.

(4) Xây dựng Kho dữ liệu số thông minh: Trong năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Gia Lai Dashboard (<https://dashboard.gialai.gov.vn>) là hệ thống tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành theo tiến độ được phê duyệt tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh.

6.5. Về an ninh an toàn

- Ngày 20/6/2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp các đơn vị nghiệp vụ Bộ Công an tiến hành rà soát các giải pháp/thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn thông tin (ATTT) triển khai cho Hệ thống theo các tiêu chí yêu cầu tại Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024, đánh giá Hệ thống đã cơ bản đáp ứng 16/16 giải pháp/thiết bị theo yêu cầu.

- Hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin cấp độ 3⁵⁵. Triển khai đầy đủ các nội dung theo phương án đảm bảo ATTT đã phê duyệt; tuân thủ các Quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế

⁵⁴ Gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; Dịch vụ Giám sát an ninh trật tự của đô thị; Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; Dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành; Hệ thống giám sát dịch vụ công; Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội. Ngoài ra, Trung tâm IOC có liên kết Dịch vụ giám sát hành trình tàu cá; Dịch vụ này kết nối với Tổng cục Thủy sản (nay là Cục Thủy sản và kiểm ngư), giám sát tàu cá đang hoạt động đánh bắt trên biển.

⁵⁵ Tại Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh (cơ sở 1) và Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/3/2029 của UBND tỉnh (cơ sở 2)

đảm bảo ATTT mạng trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ); hệ thống đã tổ chức thực hiện giám sát trực tiếp đối với các dịch vụ đang quản lý, vận hành bằng các phần mềm mã nguồn mở như Splunk, Zabbix... và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát với hệ thống giám sát quốc gia thường xuyên, liên tục, chất lượng tốt. Định kỳ hằng năm, tổ chức 01 khóa bồi dưỡng, tập huấn và diễn tập thực chiến ATTT, ứng cứu sự cố đối với các hệ thống thông tin dùng chung.

- Đầu tư và đưa vào vận hành sử dụng đối với thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDOS) và phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho hệ thống thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, đơn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của Bộ Công an về đảm bảo ATTT⁵⁶. Chủ động tiến hành kiểm tra, đánh giá toàn diện thực trạng ATTT trên địa bàn tỉnh, qua đó xác định rõ các nguy cơ, thách thức và các "khoảng trống an ninh" nguy hiểm.

- Xây dựng và đề xuất chủ trương thành lập Trung tâm An ninh mạng của tỉnh theo định hướng kiến trúc kỹ thuật thống nhất của Trung tâm An ninh mạng quốc gia (Cục A05, Bộ Công an). Đề án này nhằm mục tiêu giám sát tập trung, đa tầng, ứng phó chủ động, điều tra số và kết nối liên thông, đồng bộ với hệ thống giám sát quốc gia.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện các mặt công tác bảo đảm an ninh, ATTT cho các hệ thống thông tin, công thông tin điện tử; phòng, chống tấn công mạng; sẵn sàng ứng phó với các sự cố, tình huống nguy hiểm về an ninh mạng. Ngày 15/12/2025, Công an tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan tiến hành khai giảng lớp tập huấn, diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố ATTT mạng năm 2025 với 50 học viên là thành viên Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng của tỉnh.

- Công an tỉnh ban hành Kế hoạch số 598/KH-CAT-PA05 ngày 15/7/2025 về kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng, ATTT trong giai đoạn chuyển sang mô hình chính quyền 02 cấp⁵⁷; Kế hoạch số 302/KH-CAT-PA05 ngày 21/7/2025 về việc bảo đảm an ninh mạng, ATTT Trung tâm dữ liệu quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Công văn số 863/CAT-PA05 ngày 23/7/2025 về việc tăng cường bảo đảm an ninh mạng khi thực hiện chính quyền 02 cấp để hướng dẫn UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh bảo đảm an ninh mạng,

⁵⁶ Công văn số 4167/UBND-KGVX triển khai Thông báo 60/TB-BCA-A05.

⁵⁷ Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại 14 UBND xã, phường. Kết quả: Các đơn vị được kiểm tra không có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 25 Luật An toàn thông tin, không có quy chế bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định; các thiết bị được kết nối chưa được kiểm tra, dán tem “Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin” và chưa có bản cam kết bảo đảm an ninh an toàn thông tin trong kết nối đến CSDL quốc gia về dân cư khi triển khai chính quyền 02 cấp, còn tồn tại nhiều lỗ hổng bảo mật trên các thiết bị máy tính, chưa trang bị “tường lửa”, một số máy tính chưa được làm sạch dữ liệu trước khi đưa vào sử dụng, một số máy tính còn cài đặt hệ điều hành Window 7 (đã ngừng cập nhật hệ điều hành, không phát hành bản vá LHMB), chưa lập hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin, còn chia sẻ thư mục chung trong mạng chưa bảo mật.

ATTT theo đúng quy định.

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, lập danh sách tài khoản đăng ký khai thác CSDL quốc gia về dân cư, hoàn chỉnh hồ sơ cam kết theo đúng quy định với 1.531 tài khoản; đến nay đã phát sinh 454.697 lượt khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC.

7. Về nguồn lực triển khai

7.1. Về kinh phí

- Năm 2025, UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên phục vụ Đề án 06 với số tiền 13.108 triệu đồng. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: 695.545 triệu đồng. Đã được cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí: 188.620 triệu đồng (trong đó, ngân sách Trung ương: 20.358 triệu đồng). Hiện các địa phương đang giải ngân kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Rà soát, báo cáo danh mục nhiệm vụ/dự án về lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có nhu cầu sử dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 – 2030⁵⁸; cụ thể: Tổng kinh phí nhiệm vụ, dự án đầu tư công cho lĩnh vực Chuyển đổi số giai đoạn 2026 -2030: 3.175.057 triệu đồng. Tổng kinh phí nhiệm vụ, dự án đầu tư công cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 -2030: 530.000 triệu đồng.

7.2. Về nhân lực

- Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 16/5/2025 về triển khai tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Ngày 22/10/2025, UBND tỉnh ban hành Công văn số 5402/UBND-KGVX về việc triển khai các khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; ngày 14/11/2025, Công an tỉnh ban hành Công văn số 4019/CAT-PC06 về việc hướng dẫn triển khai các khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Xây dựng, duy trì các chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội⁵⁹.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025⁶⁰.

⁵⁸ Công văn số 8094/UBND-KGVX ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh V/v tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 – 2030 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

⁵⁹ Tại các địa chỉ:

- <https://gialaitv.vn/category/chuyen-muc/chuyen-doi-so>;

- <https://www.youtube.com/playlist?list=PLEij2KtThl2LG1nlvQ-JvDGRsIxAT39sS>;

- <https://baogialai.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/tin-tuc-cong-nghe-2022>.

⁶⁰ Từ đầu năm 2025 đến nay, đã tổ chức tập huấn về kiến thức số, kỹ năng số cho hơn 7.600 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo Khung chương trình bồi dưỡng “Bình dân học vụ số” do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; xây dựng tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cho khoảng 42.862 cán bộ, công chức 135 xã, phường về chuyển đổi

- Triển khai Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh về triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 – 2030. Hiện nay Trường Đại học Quy Nhơn đang triển khai đào tạo khoảng 860 sinh viên⁶¹.

- Toàn tỉnh thành lập 1.231 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 4.684 thành viên; 61 địa phương đã thành lập Tổ hỗ trợ CNTT cho người dân với 1.037 thành viên. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 về việc tiếp tục áp dụng Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện DVC trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

8. Kết quả triển khai mô hình điểm Đề án 06

- Triển khai 95 mô hình điểm tại Quyết định số 342-QĐ/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng (52 nhiệm vụ Nghị quyết 57, 14 nhiệm vụ chuyển đổi số trong cơ quan Đảng và 29 nhiệm vụ Đề án 06). Đối với 29 mô hình điểm Đề án 06: Hoàn thành 29 nhiệm vụ.

(Phụ lục 03 kèm theo)

- Trên cơ sở 44 mô hình điểm do Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ hướng dẫn, căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch⁶² giao các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai 42/44 mô hình trong triển khai thực hiện Đề án 06, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn. Hiện đã hoàn thành 29/42 mô hình đã đăng ký, 13 mô hình còn lại đang tiếp tục triển khai⁶³.

(Phụ lục 04 kèm theo)

số, kỹ năng số trong thực hiện vận hành hệ thống văn phòng điện tử, vận hành hệ thống hội nghị trực tuyến, phổ cập ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và nền tảng số trong quản lý, điều hành công việc, thực thi công vụ; chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về công tác chuyển đổi số, AI cơ bản, văn phòng điện tử đến họp trực tuyến và ký số cho trên 1.021 cán bộ, công chức 135 xã/phường; tập huấn cho Thanh tra tỉnh hướng dẫn sử dụng Trợ lý ảo (AI) trong giải quyết khiếu nại tố cáo cho 200 cán bộ của đơn vị. Đồng thời, đã tổ chức 06 đợt tăng cường nhân sự hỗ trợ 55 xã, phường trong công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng chính quyền số; nhân lực số; ... tại địa phương để nắm bắt sơ bộ những vấn đề vướng mắc cấp thiết cần được tháo gỡ, giải quyết kịp thời.

⁶¹ Gồm: Kỹ thuật phần mềm: 60; AI: 50; Công nghệ thông tin: 350; Khoa học dữ liệu: 50; Sư phạm tin: 100; Kỹ thuật điện tử Viễn thông (Chuyên ngành thiết kế vi mạch): 80; Vật lý kỹ thuật (Chuyên ngành Công nghệ đóng gói và kiểm thử vi mạch): 100; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: 70.

⁶² Kế hoạch số 3488/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ); Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định (cũ).

⁶³ 13 mô hình còn lại đang tiếp tục triển khai gồm: ⁽¹⁾Mô hình 10: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà cho thuê; Nhà ở trong khu công nghiệp, khu chế xuất (Công an tỉnh); ⁽²⁾Mô hình 12: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài (Công an tỉnh); ⁽³⁾Mô hình 13: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu du lịch (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch); ⁽⁴⁾Mô hình 14: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu công nghiệp (Ban quản lý KCN); ⁽⁵⁾Mô hình 15: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Nhà Ga (Sở Khoa học và Công nghệ); ⁽⁶⁾Mô hình 18: Triển khai giải pháp xử phạt giao thông và trật tự an toàn xã hội (Công an tỉnh); ⁽⁷⁾Mô hình 19: Triển khai sử dụng CCCD gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe... không dùng tiền mặt (Sở Xây dựng); ⁽⁸⁾Mô hình 21: Mô hình xác thực thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử (Sở Giáo dục và đào tạo); ⁽⁹⁾Mô hình 22: Phát triển du lịch, gắn với phát triển đặc sản vùng miền hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số (Sở Công thương); ⁽¹⁰⁾Mô hình 34: Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua CSDL quốc gia về dân cư, VNeID (Sở Nông nghiệp và Môi trường); ⁽¹¹⁾Mô hình 36: Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID (Sở Nội vụ); ⁽¹²⁾Mô hình 39: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch); ⁽¹³⁾Mô hình 40: Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn (Công an tỉnh).

9. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành

- Công an tỉnh tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống CSDL quốc gia về dân cư phục vụ yêu cầu quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự; đồng thời, phối hợp cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý của các sở, ngành (*xác nhận thông tin công dân phục vụ giao dịch tài chính, nhà đất; làm sạch dữ liệu bảo hiểm; dữ liệu tiêm chủng...*) và công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Chủ động yêu cầu hoặc tiếp nhận các yêu cầu dự báo từ cơ sở, các lĩnh vực để tổng hợp, thống kê, phân tích thông tin dữ liệu dân cư, các thông tin mở rộng phục vụ công tác điều hành, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội tại địa phương.

10. Tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết số 175/NQ-CP

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 175/NQ-CP⁶⁴ và các văn bản của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ.

(Phụ lục 05 kèm theo)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

(1) Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và sự hướng dẫn của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, quyết tâm, quyết liệt, kiên trì thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06. Qua đó, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển KT - XH, tạo hiệu ứng tích cực và sự đồng thuận xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, chuyển đổi số. Tiếp tục gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, triển khai thực hiện.

(2) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung ngày càng được phát triển và hoàn thiện, góp phần chia sẻ, kết nối thông tin giữa các cơ quan nhà nước. Các DVC được chú trọng rà soát, phát triển; việc tiếp nhận, giải quyết TTHC ngày càng được công khai, minh bạch, nhanh chóng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện khi có nhu cầu thực hiện giao dịch hành chính.

(3) Công an tỉnh tiếp tục phát huy vai trò Cơ quan Thường trực, chủ động tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, huy động sự chung tay của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở nhằm đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án 06; tuyên truyền sâu rộng trong nội bộ các cơ quan nhà nước và nhân dân, nhất là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nắm được các tiện ích của Đề án 06; tham mưu triển khai cao điểm tích hợp thẻ BHYT, khởi tạo chữ ký số

⁶⁴ Văn bản số 3446/UBND-NC ngày 07/12/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ.

trên ứng dụng VNeID; cao điểm làm sạch dữ liệu hôn nhân; chỉ đạo Công an cơ sở tập trung làm sạch 100% dữ liệu thông tin dân cư và phối hợp các sở, ngành trong cập nhật, làm sạch, đồng bộ dữ liệu; tích cực hướng dẫn công dân tham gia thực hiện DVC trực tuyến đối với các TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ Công an được thực hiện tại Công an tỉnh; tích hợp các loại giấy tờ và sử dụng các tiện ích số trên ứng dụng VNeID. Tham mưu Tổ Giúp việc Đề án 06 tỉnh tổ chức giao ban tuần kiểm đếm các nhiệm vụ có nguy cơ chậm tiến độ.

(4) Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06, như: Đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống, phần mềm, dữ liệu quản lý theo chức năng, nhiệm vụ; kết nối Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư; triển khai thực hiện số hóa Sổ hộ tịch trên nền CSDL quốc gia về dân cư; đối chiếu dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với dữ liệu hộ tịch điện tử, dữ liệu thuế, dữ liệu BHXH, dữ liệu người lao động; triển khai 02 DVC liên thông của Đề án 06; triển khai các DVC thiết yếu; rà soát, thu thập thông tin các nhóm đối tượng thuộc ngành Nội vụ quản lý; thực hiện chi trả ASXH không dùng tiền mặt; triển khai đồng bộ, hiệu quả các mô hình Đề án 06; ... góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.1. Tồn tại, hạn chế

Một số chỉ tiêu chưa đảm bảo hoàn thành như tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 50%; chưa hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản quy định về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức vào các giấy tờ, hồ sơ liên quan để đảm bảo tính duy nhất và giá trị pháp lý trong các hoạt động giao dịch của người dân, doanh nghiệp; Các dữ liệu khác chưa đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống*” theo thời gian thực, dẫn tới mới chỉ phân tích được các chỉ số chỉ đạo điều hành từ CSDL quốc gia về dân cư và CSDL bảo hiểm. Tỷ lệ người dân sử dụng các tiện ích do Đề án 06, chuyển đổi số mang lại còn thấp, chưa đạt được kết quả như kỳ vọng như: không dùng tiền mặt trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, chi trả ASXH, sử dụng các DVC trực tuyến, ...; một số mô hình Đề án 06 triển khai còn chậm; tỷ lệ người dân cài đặt, kích hoạt, tích hợp giấy tờ trên VNeID và sử dụng các tiện ích số còn chưa cao.

Một số văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiệp vụ chưa được cập nhật kịp thời, gây chậm tiến độ trong triển khai các tiện ích số. Cơ chế đầu tư và tài chính cho ứng dụng CNTT còn bất cập, chưa linh hoạt; cơ chế thuê dịch vụ số chưa rõ ràng, thiếu hướng dẫn về giá và thanh toán. Phối hợp liên ngành có nơi, có lúc chưa hiệu quả; vai trò người đứng đầu chưa phát huy đầy đủ; kỷ luật, kỷ cương hành chính và giám sát tiến độ còn lỏng lẻo. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL quốc gia và chuyên ngành chưa đồng bộ. Tỷ lệ sử dụng thực tế DVC trực tuyến chưa cao. Nguồn nhân lực CNTT còn thiếu và yếu, nhất là ở cấp cơ sở; công tác đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu chưa tương xứng với yêu cầu; hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu cục bộ còn tiềm ẩn rủi ro. Qua đánh giá, xác định có **05 điểm** **ngheen chính:**

Một là, về thể chế: Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã có hướng dẫn, tuy nhiên, kiến trúc trên còn chưa rõ mối quan hệ của các Hệ thống cấp tỉnh hiện có với Hệ thống của các bộ, ngành và Cổng DVC quốc gia khi đưa vào sử dụng Hệ thống tập trung; chưa xác định rõ Hệ thống nào sẽ thực hiện đối với các TTHC đặc thù của địa phương. Chưa có hướng dẫn tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung với Cổng DVC quốc gia và Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, gắn với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia.

Hai là, về dữ liệu: Hiện còn chưa đầy đủ, rời rạc và phân mảnh, việc triển khai các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành còn chậm, một số CSDL đã triển khai nhưng qua khảo sát, đánh giá sơ bộ, đa số chưa đảm bảo tiêu chuẩn “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; chưa rà soát kỹ các yêu cầu tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC và cắt giảm TTHC.

Ba là, về hạ tầng: Hạ tầng hệ thống thông tin nhiều địa phương thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.

Bốn là, về an ninh, ATTT: Một số hệ thống của sở, ngành và địa phương chưa được đánh giá, phân loại, chưa triển khai các giải pháp bảo mật thiết bị đầu cuối; các sở, ngành, địa phương tập trung nhiều vào bảo vệ an ninh, an toàn hệ thống, chưa chú trọng triển khai các giải pháp về đảm bảo an ninh dữ liệu.

Năm là, về nguồn lực triển khai: Nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn chưa đảm bảo yêu cầu; kinh phí chi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa đảm bảo mức chi tối thiểu cho khoa học công nghệ trên tổng chi ngân sách Nhà nước hàng năm.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên: ⁽¹⁾Quyết tâm chính trị có nơi, có lúc còn chưa đủ mạnh; ⁽²⁾Thể chế, chính sách chưa theo kịp thực tiễn và tốc độ phát triển công nghệ; ⁽³⁾Tổ chức thực hiện còn lúng túng, phối hợp chưa chặt chẽ, phân công nhiệm vụ chưa bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”; ⁽⁴⁾Kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, thiếu cơ chế kiểm tra giám sát và KPI để tạo động lực, áp lực hoàn thành nhiệm vụ; ⁽⁵⁾Nguồn lực xã hội, hợp tác công - tư huy động chưa hiệu quả; tư duy hành chính vẫn tồn tại, chuyển đổi sang tư duy quản trị số còn chậm.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở các kết quả đã đạt được và định hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung triển khai các nội dung như sau:

1. Công tác chỉ đạo triển khai:

- Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu; trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao theo lộ trình Đề án 06, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 214/NQ-CP; **có văn bản cam kết tiến độ** và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kết quả thực

hiện. Đồng thời, tập trung ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Công an tỉnh tiếp tục phát huy vai trò Cơ quan Thường trực trong việc đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền để giải quyết dứt điểm. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh trong Quý I năm 2026.

2. Về dữ liệu:

- Xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh, Chiến lược dữ liệu tỉnh phù hợp với Chương trình phát triển Chính phủ số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung. Ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục mở ưu tiên, lộ trình công bố phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. **Hoàn thành trong Quý II năm 2026.**

- Tập trung hoàn thành xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP, nhất là các CSDL còn chưa đảm bảo hoàn thành trong năm 2025 theo hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương, phù hợp với Chiến lược dữ liệu, Chiến lược Chuyển đổi số của tỉnh. Tăng cường tái sử dụng dữ liệu để phục vụ cải cách TTHC và quản lý, điều hành, phát triển KT - XH của địa phương.

Đồng thời, xây dựng các CSDL dùng chung, CSDL mở phù hợp với Khung Kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung Quản trị, Quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) theo quy định tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ.

3. Về cải cách TTHC:

- Chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử và dữ liệu đầu vào, đảm bảo khai thác các trường thông tin, dữ liệu từ CSDL quốc gia CSDL chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy; cập nhật và công bố công khai các thủ tục hành chính trên CSDL quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định. Công bố công khai và áp dụng thống nhất các trường dữ liệu có giá trị pháp lý thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ đối với các TTHC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ, đảm bảo triển khai từ ngày 01/01/2026 khi Nghị quyết có hiệu lực.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về cung cấp DVC trực tuyến theo Kế hoạch số 02-KH/BTCTW của Ban Chỉ đạo Trung ương; đẩy nhanh thực hiện tái cấu trúc 100% TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phi địa giới hành chính, tiết kiệm thời gian chi phí⁶⁵ và duy trì,

⁶⁵ Gồm: 982 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến và 82 nhóm TTHC theo Kế hoạch số 02 để cắt giảm thành phần hồ sơ trên CSDL sẵn có.

cung cấp thực chất, hiệu quả 25 DVC trực tuyến toàn trình đã tích hợp trên Cổng DVC quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp, chỉ tiếp nhận hồ sơ trên môi trường điện tử từ ngày 01/10/2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁶⁶; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

- Nghiên cứu giải pháp trả kết quả TTHC qua ứng dụng VNeID, chuyển việc cấp các loại giấy tờ và trả kết quả bằng bản vật lý sang bản điện tử, đề xuất cắt bỏ các khoản phí, lệ phí có liên quan đến việc sản xuất, in, cấp phát bản vật lý (*chỉ cấp bản vật lý khi công dân có yêu cầu*) để tạo lập dữ liệu, khuyến khích người dân tham gia vào xã hội số, chính phủ số.

- Đối với Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả từng nhiệm vụ, từng chỉ số, đảm bảo 100% đơn vị đảm bảo có điểm đánh giá xếp loại Xuất sắc.

4. Về phát triển KT - XH

- Tập trung phát triển mạnh việc ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư, thẻ CC, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực: ngân hàng, y tế, giáo dục, thuế, giao thông,...; trong đó, tập trung các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân như: Bệnh án điện tử, Học bạ số, Sổ SKĐT, Chữ ký số công cộng,... Chuyển đổi, sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế, mã số BHXH và các giấy tờ khác theo hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Phát triển các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp thông qua triển khai hiệu quả các mô hình điểm của Đề án 06, ưu tiên các tiện ích: Thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt; Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CC, VNeID; Quản lý học sinh, sinh viên, người lao động dựa trên dữ liệu dân cư;...

5. Về công dân số: Tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển công dân số, tuyên truyền để người dân chủ động xác thực, tích hợp giấy tờ trên VNeID để sử dụng khi thực hiện các TTHC, giao dịch hành chính, tích hợp giấy tờ (*thẻ BHYT, Sổ SKĐT, Giấy phép lái xe, tình trạng hôn nhân,...*), đăng ký, khởi tạo chữ ký số trên ứng dụng VNeID, đảm bảo mỗi người dân có một danh tính số, được định danh, xác thực trên môi trường số; có khả năng sử dụng DVC và dịch vụ số an toàn, hợp pháp; đóng góp dữ liệu và tham gia các hoạt động chuyển đổi số quốc gia.

6. Về nguồn lực: Triển khai đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, đảm bảo khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số. Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo trực tuyến trên Nền tảng “Bình dân học vụ số”. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyển đổi số đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; đổi mới phương thức đào tạo, tập huấn, gắn lý thuyết với thực hành thực tế, phát huy tinh thần sáng tạo, chủ động của cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, Đề án 06.

⁶⁶ Tại Quyết định số 1565/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 về Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến toàn trình.

7. Về an ninh an toàn:

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Bộ Công an trong bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống kết nối, khai thác CSDL quốc gia về dân cư; kiểm soát chặt chẽ việc khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu dân cư; bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, không để lộ lọt, thất thoát thông tin. Xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh đảm bảo kết nối với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để giám sát đối với các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Rà soát, đánh giá, phân loại mức độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và triển khai đầy đủ các biện pháp kỹ thuật bảo đảm ATTT theo cấp độ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các nguy cơ, sự cố mất ATTT, tấn công mạng.

- Chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với tội phạm công nghệ cao; bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của người dân. Đưa tiêu chí bảo đảm an ninh, ATTT vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tổ Giúp việc Đề án 06 tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công an (qua Cục C06) biết, theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- C06 - Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Chỉ đạo 57 tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Đ/c Lê Quang Nhân – Giám đốc;
- Phòng PV01;
- Lưu: TGV(PC06-Đ1).

TỔ TRƯỞNG

PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
Đại tá Huỳnh Bảo Nguyên